

Số: /TB-TTPVHCC

P. Lê Đại Hành, ngày tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở tư pháp thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 09/07/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải thương mại trên địa bàn thành phố Hải Phòng thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực bồi thường nhà nước và chứng thực trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 30/06/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Công văn số 1938/STP-VP ngày 09/7/2025 của Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện các Quyết định công bố TTHC của UBND thành phố Hải Phòng.

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo hỗ trợ hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính. Trung tâm phục vụ hành chính công phường Lê Đại Hành thông báo niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Nội dung cụ thể như sau:

1. Công bố danh mục 61 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã theo các Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 30/06/2025; Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 09/07/2025 của UBND thành phố Hải Phòng.

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo)

2. Thông tin thủ tục hành chính tại khoản 1 thông báo này được niêm yết tại Trung tâm phục vụ Hành chính công và đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử phường tại địa chỉ <http://ledaihanh.haiphong.gov.vn>.

Trung tâm phục vụ hành chính công phường Lê Đại Hành thông báo để cán

bộ, công chức chuyên môn phường phối hợp, triển khai thực hiện; cá nhân, tổ chức liên quan được biết và liên hệ giải quyết thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban chuyên môn UBND phường;
- Lãnh đạo, chuyên viên TTPV HCC;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Việt

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (61TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Miễn phí (ĐKKS đúng hạn) - Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	Toàn trình		Luật hôn nhân và gia đình 2014; Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số
2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn lệ phí			
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ,	03 ngày làm việc, trường hợp phải		-10.000 đồng. - Miễn lệ phí cho	Toàn trình		

		con	xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		- Miễn phí (ĐKKS đúng hạn) - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân) - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	Toàn trình		
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Miễn lệ phí		Một phần	
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ	Trung tâm phục	- 8.000 đồng/ lần (khai tử quá hạn) - Miễn lệ phí đối với	Toàn trình		Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

			thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	vụ hành chính công cấp xã	trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định soos 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Đăng ký khai sinh quá hạn: 8000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình		
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc		Đăng ký khai tử quá hạn: 8000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình		
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ	Miễn lệ phí	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám	02 ngày làm việc		Miễn lệ phí	Toàn trình		

		hộ		hành chính công cấp xã				15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
11.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)		Không quy định	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày

12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)	Không quy định	Toàn trình	<ul style="list-style-type: none">- Bộ luật Dân sự năm 2015;- Luật hộ tịch năm 2014;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025;- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;- Thông tư 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024;- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;- Thông tư số
-----	----------	--	--	----------------	------------	---

							85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021;
13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc</p>	<p>- 10.000 đồng/ lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	Toàn trình		<p>- Luật hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>

								29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
14.	1.004873	Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày làm việc)	5.000 đồng/ lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Luật hôn nhân và gia đình 2014; Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị	
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc (trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc)	8.000 đồng/ lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến:	Toàn trình			

					0 đồng			
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc (trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc)		8.000 đồng/ lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc)		30.000 đồng/ lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Một phần	
18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc)		8.000 đồng/ lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả		75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	Toàn trình		

			trong ngày làm việc tiếp theo		nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc)		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Một phần	
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)		75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Toàn trình	
22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến:		Toàn trình	

					0 đồng			
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận cha, mẹ, con :1.500.000 đồng. - đăng ký khai sinh: 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng 	Toàn trình		
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên		<p>75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc		<p>75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	Toàn trình		

26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	<p>- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 06 ngày làm việc</p>	<p>- 28.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	Toàn trình	<p>ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.</p>
27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)	<p>- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p> <p>Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	Toàn trình	<p>Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị</p>
28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch về việc ly hôn, huỷ việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ	05 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)	<p>- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p>	Toàn trình	<p>ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị</p>

		quan có thẩm quyền nước ngoài			Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch	- Trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thời hạn giải quyết không quá 25 ngày		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	Toàn trình		

		ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	minh thời hạn giải quyết không quá 25 ngày		có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
32	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thời hạn giải quyết không quá 25 ngày		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Một phần	Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC
33.	2.0000497	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thời hạn giải quyết không quá 10 ngày		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Toàn trình	ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC

								ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
34.	2.002621	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn phí	Toàn trình		Nghị định 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/6/2024
35.	2.002622	Liên thông đăng ký khai tử, xoá đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn phí	Toàn trình		
36.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)		- 8.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch	Toàn trình		Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số

					vụ công trực tuyến;			01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
37.	2.000635	Thủ tục cáo bản sao trích lục hộ tịch	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		8.000 đồng/ lần	Toàn trình		

II. Lĩnh vực Chứng thực (13TTHC)

1.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch			Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/ TT-BTP ngày 03/3/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
2.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 ngày làm việc		50.000 đồng/ di chúc			
3.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 ngày làm việc		50.000 đồng/ văn bản			
4.	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày làm việc		50.000 đồng/ văn bản			
5.	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản	02 ngày làm việc		50.000 đồng/ văn bản			

		khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở					
6.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/ trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản		
7.	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/ trường hợp		
8.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		30.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch		
9.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch		
10.	2.000942	Thủ tục cấp bản	Ngay trong ngày		2.000 đồng/ trang; từ		

		sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ ntrang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/ bản			
11.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ bản gốc	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		Không quy định	Toàn trình		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020.
12.	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu, sau 15 giờ, Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng		2.000 đồng/ trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/ trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/ bản. (Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)			Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

			được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc				
13.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điếm chỉ được	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/ trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)		

III. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (05TTHC)

14.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	400.000đ/ trường hợp (Miễn lệ phí đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác		Luật nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày
-----	----------	---------------------------------------	---------	--	--	--	--

				cấp xã	ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định; người có công với cách mạng)			8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/44/2016; Nghị định số 07/2025/NĐ-Cp ngày 09/01/2025.
15.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		Luật nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/44/2016; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
16.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới ước lảng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	45 ngày		4.500.000đ/ trường hợp		Một phần	Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019; Thông tư số 04/2022/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số
17.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)		75.000 đồng (Miễn phí cho người thuộc gia đình người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			

								85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
18.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày		Không quy định	Toàn trình		Luật nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

IV. Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở (05 TTHC)

19.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hoà giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng khi thực hiện hoạt động hoà giải ở cơ sở	7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	Toàn trình		Luật hoà giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
20.	1.002211	Thủ tục công nhận hoà giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		Luật hoà giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014;
21.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hoà giải (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		
22.	2.000930	Thủ tục thôi làm	5 ngày làm việc		Không quy định	Toàn		

		hoà giải viên (cấp xã)				trình		
23.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hoà giải viên	5 ngày làm việc		Không quy định		Một phần	
V. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01TTHC)								
24.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Luật Trách nhiệm Bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.